

Bản án số: 247/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh
Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị G** năm 1993,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư V, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương
Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị G1 quyền giao nhận văn bản tố tụng và giải quyết về việc nuôi con chung, tài sản chung: Anh **Trần Hải N** sinh năm 1976, địa chỉ: Số A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh **Đoàn Văn D** sinh năm 1987,

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương

Chị Ganh D1 N đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ngô Thị G2 trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn D2 do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Á (nay là phường Á), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày

01/3/2012. Sau khi kết hôn, chị chuyển về chung sống cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D3 chung thủy nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nhưng được gia đình động viên hòa giải nên vợ chồng tiếp tục chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình. Năm 2019, để cải thiện kinh tế gia đình chị đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Do vợ chồng xa cách nên không có thời gian quan tâm, bảo ban nhau, anh D3 tu chí tập trung làm việc để phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn. Ngày 21/5/2024, chị có về Việt Nam thăm gia đình nhưng do vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nên chị không về chung sống cùng anh D4 về ở tạm nhà bố mẹ đẻ tại huyện K, tỉnh Thái Bình. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn D

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thúy H ngày 02/5/2013 và Đoàn Bảo T ngày 07/5/2017, hiện nay cả 02 con chung đều đang ở với anh D. Do chị đang làm việc ở nước ngoài không đảm bảo điều kiện chăm sóc các con nên chị đồng ý để anh D5 tiếp tục chăm sóc cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành, nếu anh D6 cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Đoàn Văn D trình bày:* Về thời điểm kết hôn như chị G3 bày là đúng. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Năm 2019, chị G4 xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, anh ở Việt Nam để nuôi con. Năm 2021, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chị G5 chặn hết liên lạc với anh và chỉ nói chuyện với các con qua bố mẹ anh. Chị G6 quan điểm xin ly hôn với anh, anh không nhất trí nhưng nếu chị G7 quyết xin ly hôn, anh đồng ý theo yêu cầu của chị G8. Chồng có 02 con chung là Đoàn Thúy H ngày 02/5/2013 và Đoàn Bảo T ngày 07/5/2017, hiện nay cả 02 con chung đều đang ở với anh. Anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, anh và chị G5 thống nhất chị G9 dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng/cháu/tháng (4.000.000đồng/2 cháu/tháng). Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người được chị G ủy quyền giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung anh Trần Hải N trình bày:* Anh đã thông báo cho chị G10 biết về quan điểm của anh D về việc nuôi dưỡng con chung. Chị G11 anh D7 thống nhất chị G12 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 2.000.000đồng/cháu/tháng (4.000.000đồng/2 cháu/tháng).

Tại phiên tòa: Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh N1 quan điểm xin vắng mặt. Anh Dũng có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Ngô Thị G2 được ly hôn anh Đoàn Văn D; Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đoàn Thúy H ngày 02/5/2013 và Đoàn Bảo T ngày 07/5/2017 đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận thỏa thuận của chị G11 anh D chị G9 dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh D8 2.000.000đồng/cháu/tháng (4.000.000đồng/2 cháu/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị G13 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Ngô Thị G2 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Đoàn Văn D. Chị G hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, anh D đang sinh sống tại Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa chị Ganh D1 N đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ganh Danh N2.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị G11 anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Á(nay là phường Á), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/3/2012. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Năm 2019, chị G đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về nước. Chị G14 định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống, năm 2024 chị G về Việt Nam thăm gia đình nhưng không về chung sống cùng anh D và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D. Anh D1 xác nhận khi chị G4 Nhật Bản không gửi kinh tế về cho anh để làm thủ tục cho anh sang Nhật Bản. Năm 2021, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh Dũng muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy các con nhưng không có giải

pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà có quan điểm nếu chị G7 quyết xin ly hôn, anh nhất trí. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị G11 anh D9 không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị G được ly hôn anh D9 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị G15 D1 có 02 con chung là cháu Đoàn Thúy H ngày 02/5/2013 và Đoàn Bảo T ngày 07/5/2017 hiện đều đang ở cùng anh D9. Vợ chồng thỏa thuận để anh D1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và chị G12 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh D1 là 2.000.000 đồng/cháu/tháng (4.000.000 đồng/2 cháu/tháng).

Xét thấy cả 02 con chung hiện đang ở cùng anh D9 và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung cần chấp nhận thỏa thuận của vợ chồng, giao 02 con chung cho anh D1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và chị G12 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh D1 là 2.000.000 đồng/cháu/tháng (4.000.000 đồng/2 cháu/tháng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Ngô Thị G2 được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị G phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị G2 được ly hôn anh Đoàn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho anh Đoàn Văn D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Đoàn Thúy H ngày 02/5/2013 và Đoàn Bảo T ngày 07/5/2017, thời gian từ tháng 7/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Ngô Thị G2 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Đoàn Văn D 10.000.000đồng/cháu/tháng (4.000.000đồng/2cháu/tháng) thời gian từ tháng 7/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Ngô Thị G2 được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị G chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị G2 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000782 ngày 07/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Ngô Thị G2 còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chị G chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đoàn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Ngô Thị G2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

